

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 15/9/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hiền và bà Nguyễn Thị Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Hoàng Đ**, sinh năm 1974 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hoàng M (sinh năm 1946) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1948); có vợ là Bùi Thị T (sinh năm 1975) và có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Phạm Hồng K, sinh năm 1984; trú tại: thôn G, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1997; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. Bà Mai Thị T, sinh năm 1984; trú tại: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Trần Xuân V, sinh năm 1981; trú tại: thôn Q, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; trú tại: thôn Q, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1990; trú tại: thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

4. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1990; trú tại: thôn G, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

5. Ông Trần N, sinh năm 1966; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

6. Ông Trần T, sinh năm 1975; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

7. Ông Tào Quang M, sinh năm 1970; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

8. Ông Tào Quang T, sinh năm 1966; trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Kế hoạch tổ chức, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép thuộc địa bàn xã C của tổ liên ngành UBND xã C, khoảng 20 giờ ngày 26/5/2019, Tổ tuần tra liên ngành gồm:

- Ông Trần Xuân V- Công chức địa chính, xây dựng xã;
- Ông Nguyễn Thành T- Phó Công an xã;
- Ông Lê Văn T- Phó Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã;
- Ông Phạm Hồng K- Công chức địa chính, xây dựng xã;
- Ông Nguyễn Quang T- Công an viên thường trực.

Nhiệm vụ của tổ tuần tra là tiến hành tuần tra, phát hiện trường hợp khai thác, vận chuyển cát, sỏi trái phép trên sông Vu Gia thuộc thôn K, xã C, huyện Đ. Tổ tuần tra lúc này sử dụng công cụ hỗ trợ gồm đèn pin, gậy su, roi điện và súng hơi cay, đồng thời có ông Lê Văn T mặc trang phục của lực lượng Quân sự xã, ông Nguyễn Quang T mặc trang phục của Công an xã. Một lúc sau, tổ tuần tra phát hiện có xe ô tô tải biển số 92K-8835 do Mai Hoàng Đ điều khiển đi đến. Đ thuê các ông Trần N, Tào Quang T, Tào Quang M và Trần T cùng Đ xúc đất lên xe. Cùng lúc này có xe ô tô tải biển số 92K-7574 do Đặng Thanh H điều khiển xe đến và đang chờ để xúc đất lên xe. Sau khi xúc xong đất vào thùng xe Mai Hoàng Đ điều khiển xe ô tô tải biển kiểm 92K-8835 di chuyển thì lúc này tổ công tác chạy đến để bắt giữ phương tiện. Các ông Nguyễn Thành T, Lê Văn T và Nguyễn Quang T chặn xe ô tô tải biển số 92K-7574 do Đặng Thanh H điều khiển, H chấp hành và xuống xe, còn ông Trần Xuân V và ông Phạm Hồng K hô to “*dừng lại*” và chạy đến để chặn xe ô tô tải biển số 92K-8835 do Mai Hoàng Đ điều khiển. Lúc này, Đ nghe thấy tiếng hô “*dừng lại*” thì biết rằng có lực lượng chức năng đang đến nên Đ vừa bên xe đổ đất ra khỏi thùng xe vừa điều khiển xe bỏ chạy. Khi Đ điều khiển xe đang chạy thì ông Trần Xuân V chạy theo bám vào cửa xe bên trái xe ô tô, còn ông Phạm Hồng K bám vào cửa xe bên phải xe ô tô và yêu cầu Đ dừng lại, nhưng Đ vẫn tiếp tục điều khiển xe để bỏ chạy. Thấy xe ô tô tải vẫn bỏ chạy và không dừng lại nên ông V nhảy khỏi xe, còn ông K vẫn bu bám trên xe lúc xe đang chạy lắc lư mạnh nên bị rơi xuống đất và va chạm với xe ô tô tải do Mai Hoàng Đ điều khiển gây thương tích. Đ điều khiển xe về tại nhà mình rồi đến Công an huyện Đ đầu thú. Còn ông K được

đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía bắc Quảng Nam, sau đó chuyển bệnh viện Đà Nẵng điều trị đến ngày 15/6/2019 thì xuất viện.

Tại bản Kết luận giám định thương tích số: 158/GĐTT.19 ngày 03/6/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận thương tích của ông Phạm Hồng K: “*Mắt trong đoạn 1/3 dưới cánh tay trái có vết xát da đã đóng vảy dài 2,5 cm, rộng 01cm. Vết thương do vật tày tác động gây nên. Hướng chệch từ sau ra trước, từ dưới lên trên, tỷ lệ thương tích: 01%; vùng ngực – lưng bên trái, tương ứng cung sau bên khoang gian sườn IV đến mặt ngoài đoạn 1/3 trên đùi trái có mảng xát da không liên tục đã đóng vảy trên diện dài 42cm, chỗ rộng nhất 09 cm. Vết thương do vật tày có diện rộng tác động gây nên. Hướng từ sau ra trước, chệch từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. tỷ lệ thương tích : 06 %; vùng hông và dọc theo nếp lằn bẹn bên phải còn dấu thâm tím tụ máu dưới da trên diện dài 20cm, chỗ rộng nhất 7cm. chân phải đang được đặt trên máng bột cố định đùi- cẳng – bàn chân. Chưa tự đi lại được. Tỷ lệ thương tích là 25%; bệnh nhân tỉnh, bụng chướng vừa, ấn mềm, đau tức vùng hạ vị và quanh rốn, tự tiểu được, nước tiểu màu vàng trong do vỡ xương cuneiform bên phải, trật khớp mu, méo khung chậu, vỡ bàng quang ngoài phúc mạc. Tổn thương này do vật tày tác động gây nên, lực tác động mạnh (khả năng do đè ép, kẹp). Tỷ lệ thương tích là 22%. Thống nhất xếp tỷ lệ thương tích là 54%”.*

Tại bản kết luận Giám định bổ sung thương tích số: 249/GĐTT.19 ngày 23/8/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận thương tích của ông Phạm Hồng K: “*Tổn thương chủ yếu hiện tại còn thấy được ở trên bệnh nhân là mảng xát da, vết xát da và các vết mổ; vỡ xương cuneiform bên phải, trật khớp mu hoàn toàn đã được bóc lộ khớp mu nắn lại khớp, cố định bằng một nẹp + các vis tạm ổn. Khung chậu méo nhẹ; vỡ bàng quang ngoài phúc mạc đã được điều trị nội khoa tạm ổn. Hiện tại bệnh nhân tự tiểu được, nước tiểu màu vàng trong. Gãy chéo đoạn 1/3 trên cùng đùi phải đã được phẫu thuật bộ lộ ổ gãy, nắn lại ổ gãy, cố định bằng chi thép + 01 đinh + các vis chốt bằng khung định vị. Hiện tại bệnh nhân còn đau vùng khớp mu và đùi bên phải, chưa ngồi xổm được, đi lại có nạn hỗ trợ. Tỷ lệ thương tích được xếp là 57%.”*

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSĐL-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc đã truy tố bị cáo Mai Hoàng Đ về tội “*Vô ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Mai Hoàng Đ từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Vô ý gây thương tích*”.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo và người làm chứng khai nhận sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Mai Thị T, các người làm chứng ông Trần Xuân V và ông Lê Văn T vắng mặt có lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, bản giám định thương tích, bản giám định bổ sung thương tích cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/5/2019, bị cáo Mai Hoàng Đ không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng sử dụng xe ô tô tải biển số 92K-8835 thuộc sở hữu của bị cáo Đ đi đến khu vực bãi đất thuộc thôn K, xã C, huyện Đ để khai thác đất mang đi bán. Sau khi xúc xong đất vào thùng xe bị cáo Đ điều khiển xe ô tô tải 92K-8835 di chuyển thì lúc này ông Trần Xuân V và ông Phạm Hồng K chạy đến để chặn xe ô tô tải do bị cáo Đ điều khiển. Bị cáo Đ vừa bên xe đổ đất ra khỏi thùng xe vừa điều khiển xe bỏ chạy. Khi xe bị cáo Đ điều khiển xe đang chạy thì ông Trần Xuân V chạy theo bám vào cửa xe bên trái xe ô tô, còn ông Phạm Hồng K bám vào cửa xe bên phải xe ô tô và yêu cầu bị cáo Đ dừng lại, tuy nhiên bị cáo Đ vẫn tiếp tục điều khiển xe để bỏ chạy. Thấy xe ô tô tải vẫn bỏ chạy và không dừng lại nên ông V nhảy khỏi xe, còn ông K vẫn bu bám trên xe lúc xe đang chạy và lắc lư mạnh nên bị rơi xuống đất và va chạm với xe ô tô tải do bị cáo Đ điều khiển gây thương tích 57%.

Hội đồng xét xử xác định bị cáo Đ thực hiện việc phạm tội gây thương tích cho bị hại là ngoài ý muốn và mong muốn của bị cáo, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Vô ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức rõ và điều khiển hành vi, mặc dù bị cáo xác định bị hại bu bám trên xe lúc xe đang chạy là nguy hiểm

nhưng do bất chấp các quy định pháp luật, bị cáo thực hiện tội phạm lỗi vô ý vì quá tự tin làm cho bị hại bu bám trên xe lúc xe đang chạy và lắc lư mạnh bị rơi xuống đất và va chạm với xe ô tô do bị cáo điều khiển gây ra thương tích. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi vô ý, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra ăn năn hối hận, đã tự nguyện bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại số tiền là 35.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo là cải tạo không giam giữ.

Đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định và bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy, hoàn cảnh bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên không phải chịu thực hiện nghĩa vụ khấu trừ thu nhập.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Đông đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại K với số tiền là 35.000.000 đồng. Ngoài ra, ông K yêu cầu khi có tiền hành mổ lại vết thương theo chỉ định của bác sĩ thì bị cáo Đ phải có trách nhiệm chi trả các khoản phát sinh cho bị hại. Xét thấy, cho đến thời điểm xét xử vụ án việc tái khám chưa thực hiện và bị hại không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bị hại, nên tách yêu cầu trên để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có kết quả mổ lại vết thương và chứng từ thanh toán khi bị hại có yêu cầu.

[2.3]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô tải biển số 92K-7574, nhãn hiệu THACO, số máy 927300413264, số khung 20C68C025042 và 01 xe ô tô tải biển số 92K-8835, nhãn hiệu THACO, số máy 927300658556, số khung 20C69C031857; trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ đã tiến hành trả lại cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về vấn đề liên quan đến vụ án: Căn cứ mục đích và nội dung Kế hoạch thi tổ liên ngành UBND xã C chỉ thực hiện công vụ là kiểm tra, truy quét, tạm giữ, phương tiện vi phạm có liên quan đến việc khai thác, vận chuyển cát sỏi, trái phép trên tuyến sông (dưới lòng sông). Do đó, Mai Hoàng Đ có hành vi chõ đất trên bờ sông thì hành vi này không liên quan trực tiếp đến việc thi hành công vụ của tổ tuần tra. Việc tổ tuần tra tiến hành các biện pháp sử dụng roi điện, đèn pin, truy hô và nhảy lên xe ô tô để yêu cầu Mai Hoàng Đ xuống xe là không đúng nội dung thi hành công vụ. Vì vậy, Đ điều khiển xe bỏ chạy là nhằm trốn tránh việc bắt giữ của tổ tuần tra, Đ cho xe chạy không lạng lách vòng vèo, không có ý thức hành vi của mình nhằm chống lại việc thi hành công vụ. Do đó, hành vi của Mai Hoàng Đ không có dấu hiệu của tội “Chống người thi hành công

vụ” quy định tại Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong vụ án này, Mai Hoàng Đ có hành vi khai thác khoáng sản nhưng không có giấy phép khai thác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Đ là phù hợp.

[2.5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- **Tuyên bố:** Bị cáo Mai Hoàng Đ phạm tội "*Vô ý gây thương tích*".

- **Xử phạt:** Bị cáo Mai Hoàng Đ **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao thi hành án.

Giao bị cáo Mai Hoàng Đ cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục.

- **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Mai Hoàng Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS H.Đại Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

